

Bản án số: **139/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-7-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đăng Khoa.

2. Bà Trần Thị Kim Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hồng Đ, sinh năm 1986 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Hoàng L, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị Hồng Đ trình bày: Chị và anh L qua mai mối thì tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến năm 2007 thì đăng ký kết hôn và được UBND xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/5/2007. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L cờ bạc, rượu chè bỏ bê gia đình, đánh đập chị, vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh chị đã nhiều lần tự bàn bạc giải quyết nhưng

không được. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã ly thân với nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn Hoàng L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Yến N, sinh ngày 21/12/2007 và Phạm Hoàng A, sinh ngày 16/02/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Phạm Văn Hoàng L trình bày:* Anh chị qua mai mối thì tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến năm 2007 thì đăng ký kết hôn và được UBND xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/5/2007. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do anh gây ra là nóng giận có đánh vợ, ăn nhậu không lo cho vợ con. Anh thấy bản thân mình sai hoàn toàn và hứa sẽ khắc phục và sửa đổi. Hiện tại anh còn tình cảm với chị Đ nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Thị Yến N, sinh ngày 21/12/2007 và Phạm Hoàng A, sinh ngày 16/02/2018. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị Đ nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có;

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Đ; Về hôn nhân: Chị Điệp được ly hôn với anh L; Về con chung: Giao cháu N và cháu A cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí chị Đ chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Hồng Đ có đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Phạm Văn Hoàng L có địa chỉ: ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

[1.1] Chị Phan Thị Hồng Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do.

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Hồng Đ và anh Phạm Văn Hoàng L kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 07/5/2007 là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị Đ trình bày, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị là do anh L cờ bạc, rượu chè bỏ bê gia đình, đánh đập chị, vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh chị đã nhiều lần tự bàn bạc giải quyết nhưng không được. Phía anh L cũng xác định do nóng giận có đánh chị Đ, ăn nhậu không lo cho vợ con. Anh thấy bản thân mình sai hoàn toàn và hứa sẽ khắc phục và sửa đổi. Tòa án đã hòa giải tạo điều kiện để anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị Đ không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với anh L. Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, một bên đã không còn tình cảm mà kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai anh chị. Mâu thuẫn vợ chồng chị Đ và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Yến N, sinh ngày 21/12/2007 và Phạm Hoàng A, sinh ngày 16/02/2018. Ly hôn, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết chị Đ có đủ điều kiện nuôi con, 02 con chung hiện do chị chăm sóc. Ngoài ra cháu N cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Mặc khác khi ly hôn chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung phía anh L đồng ý giao 02 con chung cho chị Đ nuôi dưỡng. Để đảm bảo cuộc sống của cháu không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến môi trường sống của cháu nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị để chị Đ được trực tiếp nuôi cháu N và cháu A. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết

[3] Về án phí: Chị Phan Thị Hồng Đ là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Hồng Đ.

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Phạm Văn Hoàng L.

2. Về con chung: Chị Phan Thị Hồng Đ được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Phạm Thị Yến N, sinh ngày 21/12/2007 và Phạm Hoàng A, sinh ngày 16/02/2018. Chị Phan Thị Hồng Đ không yêu cầu anh Phạm Văn Hoàng L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Hồng Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006677 ngày 08/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G. Như vậy, chị Phan Thị Hồng Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Hồng Đ và anh Phạm Văn Hoàng L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TXG;
- Chi cục THADS TXG;
- UBND xã B, TXG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Thu Thúy